

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: Trần Đức Thạnh
- Năm sinh: 1954
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ, năm 1994, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư, năm 2016, Học Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Khoa học Trái đất, Địa chất Hải dương học.

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm):

\* Tổng biên tập Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển, Viện HLKHCN Việt Nam: từ 2021- đến nay.

\* Nghiên cứu viên cáo cấp, Viện Tài nguyên và môi trường biển: nghỉ hưu từ 01/02/2024.

\* Tổ trưởng Bộ môn Quản lý TN&MT, Khoa KHCN biển, Học Viện KH&CN, Viện HLKHCN Việt Nam: từ 2017- đến nay.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện HLKHCN Việt Nam.

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): Học viện KHCN Việt Nam, Viện HLKHCN Việt Nam (năm 2019, 2020, 2021 và 2022).

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Liên ngành Khoa học Trái đất và Mỏ ( năm 2019, 2020, 2021, 2022 và 2023).

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước: Không.

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

a) Tổng số sách đã chủ biên: 08 sách chuyên khảo chủ biên và 10 sách đồng tác giả; .... giáo trình.

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

| STT | Tên sách   | Loại sách   | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Số tác giả | ISBN              |
|-----|--|-------------|--------------|--------------|------------|-------------------|
| 1   | Một số chất ô nhiễm hữu cơ bền trong môi trường biển ven bờ phía Bắc Việt Nam.     | Chuyên khảo | KHTN&CN      | 2018         | 3          | 978-604-913-647-4 |
| 2   | Tác động của con người đến môi trường trầm tích hiện đại ven bờ châu thổ Sông Hồng | Chuyên khảo | KHTN&CN      | 2018         | 7          | 978-604-913-803-4 |
| 3   | Đời gian triều miền Bắc Việt Nam: Những đặc trưng cơ bản và tiềm năng phát triển   | Chuyên khảo | KHTN&CN      | 2020         | 3          | 978-604-9985-53-9 |

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 150 bài báo tạp chí trong nước; 32 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

| TT  | Tên bài báo  | Số tác giả | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học                         | Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/số | Trang     | Năm công bố |
|---|--|------------|--|--------------------------------|--------------------------|--------|-----------|-------------|
| <b>Bài báo trong tạp chí khoa học quốc tế</b> |  |            |  |                                |                          |        |           |             |
| 1   | Morphological Change in the Northern Red River Delta, Vietnam DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s11802-018-3777-2">10.1007/s11802-018-3777-2</a>   | 7          | J. Ocean Univ. China (Oceanic and Coastal Sea Research). | SCI-E; IF=1.5                  | 10                       | 17 (6) | 1272-1280 | 2018        |
| 2   | Evaluation of Geological Heritage of Geosites for a Potential Geopark in Binh Thuan–Ninh Thuan Coastal Zone, Vietnam. DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12371-018-0324-x">10.1007/s12371-018-0324-x</a> | 12         | Geoheritage  | SCI-E; IF= 2,9                 | 7                        | v.11   | 689–702   | 2019        |
| 3   | Sedimentation Rates and Heavy Metal Concentrations in the Tidal Flats of North Vietnam DOI: <a href="https://doi.org/10.15244/pjoes/99107">https://doi.org/10.15244/pjoes/99107</a>                          | 8          | Polish Journal of Environmental Studies                  | SCI-E; IF=1,4                  | 17                       | 28(5)  | 1-13      | 2019        |
| 4   | An assessment of heavy metal contamination in the surface sediments of Ha Long Bay, Vietnam. <a href="https://doi.org/10.1007/s12665-020-09192-z">https://doi.org/10.1007/s12665-020-09192-z</a>             | 6          | Environmental Earth Sciences                             | SCI-E IF= 3.1                  | 9                        | 79(18) | 1-13      | 2020        |

|    |   |    |  |                   |    |   |         |      |
|----|---|----|--|-------------------|----|---|---------|------|
| 6  | Assessment of the environmental carrying capacity of pollutants in Tam Giang-Cau Hai lagoon (Viet Nam) and solutions for the environment protection of the lagoon.<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.scitoten.v.2020.143130">https://doi.org/10.1016/j.scitoten.v.2020.143130</a> | 5  | Science of The Total Environment. Elsevier | SCI-E<br>IF= 9.8. | 11 | 762(25)   |         | 2021 |
| 7  | Enrichment and distribution of metals in surface sediments of the Thanh Hoa coastal area, Viet Nam<br><a href="https://doi.org/10.1016/j.rsma.2020.101574">https://doi.org/10.1016/j.rsma.2020.101574</a>   | 9  | Regional Studies in Marine Science         | SCI-E<br>IF= 2.1  | 6  | 41(1)   |         | 2021 |
| 8  | Mineralogical features of sediments in the Gulf of Tonkin, Vietnam. : Geologic-geophysical and oceanographic research of the western south china sea and adjacent continent.  | 9  | GEOS, 2021. ISBN: 978-5-89118-841-9        | 0                 | -  | Chapter   | 141-152 | 2021 |
| 9  | Distribution and ecological risk of heavy metal(loid)s in surface sediments of the Hai Phong coastal area, North Vietnam.<br><a href="https://doi.org/10.1080/02757540.2021.2017901">https://doi.org/10.1080/02757540.2021.2017901</a>  | 13 | Chemistry and Ecology                      | SCI-E<br>IF=2.5   | 2  | 38(1)   | 7-47    | 2022 |
|    | Some Sedimentary Environment Characteristics in the Mong Cai Coastal Area, Quang Ninh Province, Vietnam   | 9  | Environmenta<br>l Earth Sciences           | SCI-E<br>IF=3.1   | 1  | 38/1  | 57-70   | 2022 |
| 10 | Radioactivity concentration and risk indices in intertidal sediments of the Red River Delta, Vietnam.   | 11 | Environmenta<br>l Earth Sciences           | SCI-E<br>IF=3.1   |    | 82(2)   |         | 2024 |
| 11 | Assessment of Radioactive Concentrations and Natural Radionuclide Risks in the Sediments of Ha Long Bay and the Ba Che Estuary.   | 12 | Regional Studies in Marine Science         | SCI-E<br>IF=2.1   |    | <a href="http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.4677854">http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.4677854</a> |         | 2024 |

#### Bài báo trong các tạp chí khoa học trong nước

|    |   |    |   |  |    |      |         |      |
|----|---|----|---|--|----|------|---------|------|
| 1. | Tài nguyên vị thế cụm đảo Thổ Chu, phía Nam Việt Nam. Tạp chí KHVN Biển. tập 18, số 2. Tr. 114-123.       | 5  | TC. Khoa học và Công nghệ Biển                                |  | 4  | 18/2 | 114-123 | 2018 |
| 2. | Late Pleistocene-Holocene sequence stratigraphy of the subaqueous Red River delta and the adjacent shelf. | 10 | Vietnam Journal of Earth Sciences                             |  | 18 | 40/3 | 271-287 | 2018 |
| 3. | Đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với các hệ sinh thái biển Việt Nam.                     | 3  | Kỷ yếu HTKH QG Đa dạng sinh học và BĐKH. Nxb.KHTN&CN, Hà Nội. |  |    | 1    | 31-45   | 2019 |
| 4. | Vị thế của Vịnh Bắc Bộ đối với hợp tác phát triển giữa Trung Quốc với Việt Nam và các nước Đông Nam Á.    | 3  | Kỷ yếu HNKH Địa lý TQ lần thứ XI, TT-Huế, 4/2019.             |  |    | XI   | 456-464 | 2019 |

|     |   |   |  |  |   |         |         |      |
|-----|---|---|--|--|---|---------|---------|------|
|     |   |   | Nxb. Thanh Niên.   |  |   |         |         |      |
| 5.  | Một số vấn đề xuyên biên giới trong quy hoạch không gian biển vịnh Bắc Bộ.                                      | 7 | TC. Khoa học và Công nghệ Biển   |  |   | 19/3A   | 343-357 | 2019 |
| 6.  | Chất lượng môi trường nước biển ven bờ đảo Bạch Long Vĩ năm 2018.   | 4 | TC. Khoa học và Công nghệ Biển   |  |   | 19/3A   | 1-3-110 | 2019 |
| 7.  | Những đặc trưng môi trường ở đới gian triều Miền Bắc và định hướng sử dụng.                                     | 4 | Kỷ yếu: Diễn đàn KH TQ 2019- Sinh học biển và PTBV. Nxb. KHTN&CN.          |  |   | 1       | 622-635 | 2019 |
| 8.  | Phân bố thành phần khoáng vật trong trầm tích tầng mặt Vịnh Hạ Long, Việt Nam.                                  | 4 | Kỷ yếu HN Địa chất biển TQ lần thứ 3. NXB. KTN&CN.                         |  |   | 3       | 80-91   | 2019 |
| 9.  | Ảnh hưởng của suy giảm trầm tích đến phân bố trầm tích lơ lửng và hình thái địa hình ven bờ châu thổ sông Hồng. | 7 | Kỷ yếu HN Địa chất biển toàn quốc lần 3. Nxb. KHTN&CN.                     |  |   | 3       | 31-43   | 2019 |
| 10. | Integrated coastal zone management in Vietnam - status and emerging problems.                                   | 2 | Vietnam J. of Marine Science and Technology;                               |  | 2 | 20/4    | 369-381 | 2020 |
| 11. | Các bước trong một chu kỳ quy hoạch không gian biển ở Việt Nam.   | 7 | TC. Khoa học và Công nghệ Biển   |  | 2 | 20/4A   | 363-374 | 2020 |
| 12. | Các điểm di sản liên quan đến san hô bán hóa thạch trên cụm đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi                         | 6 | The Journal of Geology.  |  |   | 369-370 | 32-42   | 2020 |
| 13. | Bước đầu áp dụng chỉ số chất lượng nước (WQI) để đánh giá chất lượng nước biển vịnh Bắc Bộ năm 2018.            | 9 | TC. Khoa học và Công nghệ Biển   |  | 4 | 20/4B   | 171-181 | 2020 |
| 14. | Các hệ sinh thái biển ven bờ Việt Nam và mối quan hệ với các yếu tố, quá trình địa chất.                        | 3 | Kỷ yếu HNKH QG: Đ.chất, Đ.chất MT, Địa KT, quản lý TNMT. Nxb. ĐHQG Hà Nội. |  |   | 1/1     | 15-26   | 2021 |
| 15. | Hệ thống phân cấp quy hoạch không gian biển ở Việt Nam.   | 3 | Kỷ yếu HNKH Địa lý TQ lần thứ XII. Nxb. Thanh niên.                        |  |   | XII     | 40-48   | 2021 |
| 16. | Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch không gian biển Vịnh Bắc Bộ.  | 8 | HT tổng kết CT. biển KC.09. 16/20. Hà Nội 11/2021.                         |  |   | I       | 201-214 | 2021 |
| 17. | Orientation of marine spatial planning in Vietnam.  | 7 | Vietnam J. of Marine Science and Technology                                |  | 1 | 21/4    | 375-392 | 2021 |
| 18. | Một số đặc điểm môi trường trầm tích biển ven bờ Móng Cái, Quảng Ninh, Việt Nam.                                | 9 | TC. Các KHTĐ và Môi trường   |  | 1 | 38/1    | 58-72   | 2022 |

|     |  |    |  |  |  |        |           |      |
|-----|--|----|--|--|--|--------|-----------|------|
| 19. | Conflicts of interest in the coastal area of Tonkin Gulf (Vietnamese part).  | 3  | Vietnam Journal of Marine Science and Technology                           |  |  | 22/3   | 319-333   | 2022 |
| 20. | Đặc điểm phát triển và vị thế của vùng cửa sông Bạch Đằng theo dòng lịch sử  | 6  | Kỷ yếu hội nghị Địa lý Toàn quốc lần thứ XIII. Nxb. KHTN&CN.               |  |  | 13/ 1  | 2001-2012 | 2022 |
| 21. | Địa mạo phần tây Vịnh Bắc Bộ   | 11 | Kỷ yếu hội nghị Quốc tế Biển Đông, Nha Trang, 13-14/9/2022. Nxb. KHTN &CN. |  |  | 2022/1 | 464-477   | 2022 |
| 22. | Đề xuất giải pháp phục hồi hệ sinh thái đầm, hồ đã bị suy thoái ở ven bờ miền Trung                                      | 4  | Tạp chí Môi trường   |  |  | 2022/5 | 71-74     | 2022 |
| 23. | Đóng góp mới vào bộ sưu tập mẫu vật thiên nhiên của Việt Nam   | 3  | Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam                                     |  |  | 2022/9 | 31- 33    | 2022 |
| 24. | The process of establishing marine spatial planning maps in Vietnam  | 8  | The process of establishing marine spatial planning maps in Vietnam.       |  |  | 23/1   | 1-12      | 2023 |
| 25. | Đánh giá khả năng mắc cạn của chiến thuyền quân Nguyên tại Ghềnh Cốc trong trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288. | 6  | Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn.  |  |  | 40/1   | 3-13      | 2023 |
| 26. | Characteristic and distribution of grain sizes and minerals in sediments in a part of the Vietnamese Gulf of Tonkin.     | 9  | Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering                     |  |  | 65/2   | 95-105    | 2023 |
| 27. | Đường tiến vào và rút chạy của thủy quân Nguyên trong cuộc xâm lược Đại Việt năm 1287-1288.                              | 4  | Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển   |  |  | 190/2  | 5-21      | 2024 |
|     |  |    |  |  |  |        |           |      |

### **2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 06 cấp Nhà nước; 29 cấp Bộ và tương đương; 02 dự án Quốc tế.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

| STT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ   | Thành viên tham gia                          | Mã số và cấp quản lý         | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu |
|-----|--|--|------------------------------|---------------------|----------------------|
| 1   | Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước: “Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển.  | Phó chủ nhiệm chương trình.                  | KC.09/11-15.<br>Nhà nước     | 2011-2015.          | 2016                 |
| 2   | Đánh giá sức tải môi trường của một số thủy vực tiêu biểu ven bờ biển Việt Nam phục vụ phát triển bền vững.  | Phó chủ nhiệm đề tài                         | KC.09.17 /11-15.<br>Nhà nước | 2-13-2015           | 2015                 |
| 3   | Nghiên cứu các giải pháp phục hồi các đầm phá ven biển miền Trung.   | Phó chủ nhiệm đề tài.                        | KC 08.25/11-15.<br>Nhà nước  | 2011-2015           | 2015                 |
| 4   | Điều tra, đánh giá và giải pháp tổng thể bảo vệ môi trường biển và hải đảo trên địa bàn Tp. Hải Phòng.   | Chủ nhiệm đề án.                             | Thành phố Hải Phòng          | 2017-2019           | 2019                 |
| 5   | Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch không gian biển Vịnh Bắc Bộ.   | Chủ nhiệm đề tài.                            | KC.09.16/16-20.<br>Quốc gia  | 2017-2020           | 2020                 |
| 6   | Dự án: “Xây dựng bộ sưu tập mẫu vật Quốc gia về thiên nhiên Việt Nam”. Dự án thành phần: Xây dựng bộ sưu tập mẫu đá, khoáng vật, khoáng sản biển và hải đảo Miền Bắc Việt Nam. | Chủ nhiệm Dự án thành phần<br>BSTMV.25/15-18 | BSTMV.15-18<br>Quốc gia      | 2016-2021           | 2021                 |

#### 2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 01 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: 0 tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: 0 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho công trình: “Quy trình xác định sức tải của thủy vực ven biển”. Tác giả: Lưu Văn Diệu, **Trần Đức Thạnh**, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh. Quyết định số 68559/QĐ-SHTT ngày 01/10/2018 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ.

#### 2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 03 NCS đã hướng dẫn chính và 05 hướng dẫn phụ.

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

1. NCS. Nguyễn Văn Công. Đề tài luận án: “Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý tổng hợp huyện đảo Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh. Cơ sở đào tạo: Học viện Khoa học và Công nghệ. Năm bảo vệ thành công: 2022. Vai trò hướng dẫn: Chính.
2. NCS. Cao Thị Thu Trang. Đề tài luận án: “Nghiên cứu đánh giá sức tải một số yếu tố môi trường (C, N, P) khu vực đầm phá Tam Giang - Cầu Hai (tỉnh Thừa Thiên Huế)”; Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2019. Vai trò hướng dẫn: phụ.
3. NCS. Dương Thanh Nghị. Đề tài luận án: “Nghiên cứu sự tích tụ một số nhóm chất OCP và PCB trong môi trường biển ven bờ từ Trà Cổ đến Cửa Lò”; Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2016; Vai trò hướng dẫn: Chính.
4. NCS. Đặng Hoài Nhơn. Đề tài luận án: “Tiến hóa môi trường trầm tích đới gian triều khu vực ven bờ Bắc Bộ”; Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên Hà Nội; Năm bảo vệ thành công: 2016. Vai trò hướng dẫn: Chính.

### 3. Các thông tin khác

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...*):

#### 3.1.1. Bài báo khoa học

| STT | Tên bài báo  | Các tác giả                           | Bài báo |      |         |      | Trích dẫn | H index |
|-----|--|---------------------------------------|---------|------|---------|------|-----------|---------|
|     |  |                                       | SCI     | SCIE | Sco-pus | Khác |           |         |
| 1   | Các phức hệ sinh thái – tuổi Diatomeae trong trầm tích Holocen ở đồng bằng Thanh Hoá - Vinh. Bản đồ Địa chất, 53: 5-13. Liên Đoàn BĐĐC, Hà Nội. 1982.  | TĐ Thạnh, ĐĐ Nga, ĐT Quân, NT Chủ.    |         |      |         | x    |           |         |
| 2   | Vai trò Địa chất - Địa mạo đối với việc hình thành và phát triển rừng ngập mặn ở dải ven biển miền Bắc Việt Nam. Tuyển tập "Hội thảo khoa học về hệ sinh thái rừng ngập mặn Việt Nam" tr. 33 - 47. 1983. | TĐ Thạnh và Nguyễn Đức Cự.            |         |      |         | x    |           |         |
| 3   | Các phức hệ sinh thái – tuổi tảo Silic (Diatomeae) trong trầm tích Đệ tứ đồng bằng sông Cửu Long. Hội nghị KHKT Địa chất Việt Nam lần 2. Tuyển tập, Tập 2. Hà Nội. Tr. 272-276. 1985.                    | Đặng Đức Nga, TĐ Thạnh.               |         |      |         | x    |           |         |
| 4   | Dẫn liệu về đợt hạ thấp mực nước biển vào cuối Holocen giữa- đầu Holocen muộn ở vùng ven bờ Đông Bắc.TC. Các Khoa học Trái đất, 10/3-4: 50-53. 1988.   | TĐ Thạnh.                             |         |      |         | x    |           |         |
| 5   | Hình thái, cấu trúc và tiến hoá của các bãi triều lầy ven bờ phía bắc Việt Nam. Trong: Tuyển tập Hội nghị khoa học biển toàn quốc lần III. Tập II, Hà Nội, 1991. Tr. 273-281. 1991.                      | TĐ Thạnh, Nguyễn Hữu Cự, Đinh Văn Huy |         |      |         | x    |           |         |

|    |   |  |  |   |  |   |         |  |
|----|---|--|--|---|--|---|---------|--|
| 6  | Đặc điểm cơ bản của các bồn tích tụ hiện đại tiêu biểu ở dải ven bờ tây Vịnh Bắc Bộ. Tuyển tập Tài nguyên và Môi trường biển. Tập I. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội. Tr.39-47. 1991 | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 3       |  |
| 7  | Động lực bồi tụ xói lở bờ và sự thay đổi hình dạng đảo san hô Trường Sa. Tuyển tập báo cáo khoa học HNKH biển toàn quốc lần thứ III. Tập II, Hà Nội. Tr. 266 - 272. 1991.             | TĐ Thạnh   |  |   |  | x |         |  |
| 8  | Current status and cause of erosion in Cat Hai Island of Haiphong. Proc. Regional Seminar on Environment Geology. Hanoi. p.214-219. 1992.   | Thanh,T.D. et all.   |  |   |  | x | 3       |  |
| 9  | Coastal morphological changes concerning the management of coastal zone in Vietnam. Proc. Int. Conf. "Coastal Change 95' Bordomer-IOC, Bordeaux, 1995. pp.451-462.                    | Thanh TD   |  |   |  | x | 14      |  |
| 10 | Ranh giới dưới và địa tầng trầm tích Holocen ở thềm lục địa vịnh Bắc Bộ . TC. Các khoa học Trái đất số 1(22-29). 1995.  | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 3       |  |
| 11 | Những nét cơ bản về điều kiện tự nhiên và động lực phát triển vùng cửa sông Ka Long liên quan đến vấn đề hoạch định biên giới. TC. Biên giới và lãnh thổ. Số 1-1995, tr.3-9.          | TĐ Thạnh,<br>Nguyễn Chu Hồi  |  |   |  | x |         |  |
| 12 | Đặc điểm phát triển của vùng đất bồi ngập triều ven bờ châu thổ sông Hồng. TC. Các khoa học về trái đất. Số 18 (1), trang 50-60. 1996.  | TĐ Thạnh, Đinh Văn Huy và Trần Đình Lân.                           |  |   |  | x | 15      |  |
| 13 | Natural and human impact on the coastal development of Red River Delta. LOIZ Meeting Reports No. 29. Netherlands. p.224-229. 1997.  | TD Thanh, TD Lan, DV Huy.  |  |   |  | x | 21      |  |
| 14 | Đặc điểm địa mạo biển Việt Nam. Tài nguyên và môi trường biển. T.IV, Nxb. KH&KT, Hà Nội, Tr. 7-28. 1997.  | TĐ Thạnh, NC Hồi, N. Cẩn, NT Sơn, T. Phùng, NV Tạc.                |  |   |  | x | 15<br>R |  |
| 15 | Application of ADEOS AVNIR data to the study of tidal wetland distribution in the Da Nang – Hoi An Area. Asian-Pacific remote sensing and GIS Journal. Vol.12, No.1, p. 23-30. 1999.  | TD Thanh, DV Huy, TD Lan, NC Hoi, NH Cu, DD Chien, CV Thuoc.       |  |   |  | x | 2       |  |
| 16 | Holocene stratigraphy and structure of the intertidal flats in Haiphong Coastal Area. Vietnam Journal of Sciences of the Earth 21 (3), 197 – 206. 199                                 | TD Thanh   |  |   |  | x | 9       |  |
| 17 | Coastal development of the Modern Red River Delta. Bulletin of the Geological Survey of Japan 51, 276. 2000.  | TD Thanh, DV Huy   |  | X |  |   | 14      |  |
| 18 | The outstanding value of the geology of Ha Long Bay. Advances in Natural Sciences, Vol.2, No.3. p.89-99.  | TD Thanh, Waltham Tony.  |  |   |  | x | 14      |  |
| 19 | The impacts of human activities on Vietnamese rivers and coasts. LOICZ Report & Studies no. 26, 179-184. 2002   | Thanh TD, Huy, DV, Nguyen, VL, Ta, T.K.O., Tateishi, M., Saito, Y. |  |   |  | x | 14      |  |
| 20 | The Ha Long Bay world heritage: outstanding geological values. Journal of Geology. Series B. 2003: No. 22, pp.1-18. 2003.   | Tri Tran Van, <b>TD Thanh</b> , LD. An, Waltham Tony, LH Anh.      |  |   |  | x | 23      |  |

|    |   |  |  |   |  |   |     |  |
|----|---|--|--|---|--|---|-----|--|
| 21 | Monitoring coastal erosion in Red River Delta, Vietnam: a contribution from remote sensing data. Asian Journal of Geoinformatics 3 (3): 73-78. 2003.  | TV Dien, <b>TD Thanh</b> , NV Thao                               |  |   |  | x | 14  |  |
| 22 | Regimes of human and climate impacts on coastal changes in Vietnam. Regional Environmental Change, 2004: 4 (1), 49-62. 2004. IF=4.9   | <b>Thanh T.D.</b> Y Saito, DV Huy, NV Lap, TTK Oanh M. Tateishi. |  | X |  | x | 129 |  |
| 23 | Đặc điểm phát triển bờ và dao động mực nước biển Holocen ở khu vực Hải Phòng. TC.Khoa học & Công nghệ biển. Số 4(4): 25 – 42. 2004.   | TĐ Thạnh, N Cẩn, ĐĐ Nga, ĐV Huy.                                 |  |   |  | x | 6   |  |
| 24 | Coastal erosion in Red River Delta: current status and response. In book: Mega-Deltas of Asia: Geological evolution and human impact, China Ocean Press, Beijing, 2005: pp. 98-106. Chapter. ISBN 7-5027-6342-2. 2005.                                      | <b>Thanh TD</b> ; Saito, Y., Dinh, V.H., Nguyen, H.C., Do, D.C.  |  |   |  | x | 11  |  |
| 25 | Phân loại và đặc điểm cơ bản của hệ thống vũng vịnh ven bờ biển Việt Nam. TC. Khoa học và Công nghệ biển. T6 (2006). Số 2.Tr. 38 – 51. 2006.  | TĐ Thạnh, NH Cử, BV ượng, NTK Anh.                               |  |   |  | x |     |  |
| 26 | Một số dạng tài nguyên vị thế biển Việt Nam-Sea Position Resources in Vietnam. TC. Khoa học và công nghệ biển 7 (4), 80 -93. 2007.  | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 9   |  |
| 27 | Các thủy vực ven bờ biển Việt Nam. TC. Khoa học và Công nghệ biển. T7. No.1. Tr.64-79. 2007.  | TĐ Thạnh, NH Cử, ĐV Huy, BV Vương.                               |  |   |  | x | 10  |  |
| 28 | Những vấn đề môi trường ven biển nổi bật ở Việt Nam và định hướng bảo vệ. Trong: PN Hồng (Chủ biên): “Vai trò của HST RNM và rạn san hô trong việc giảm nhẹ thiên tai và cải thiện cuộc sống ở vùng ven biển”. Nxb. Nông nghiệp. Hà Nội Tr. 119 – 134. 2006 | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 6   |  |
| 29 | Bước đầu đánh giá ảnh hưởng của đập Hoà Bình đến môi trường trầm tích ven bờ châu thổ sông Hồng. TC.Khoa học công nghệ biển. T.8, No.3. Tr. 01-17. 2008.  | TĐ Thạnh, VD Vĩnh, Yoshiki Saito, ĐĐ Chiến, TA Tú.               |  |   |  | x | 7   |  |
| 30 | Tài nguyên vị thế biển Việt Nam, định dạng, tiềm năng và định hướng phát huy giá trị. Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba: “Việt Nam: Hội nhập và Phát triển”. Hà Nội, 4 – 7/12 /2008.   | TĐ Thạnh. Trần Đình Lân, Nguyễn Hữu Cử.                          |  |   |  | x | 12  |  |
| 31 | Tác động của sóng, bão đối với các công trình bờ biển Bắc Bộ và giải pháp phòng tránh. TC. Các Khoa học về Trái đất. 4 (T.30). Tr. 555 – 565. 2008.   | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 3   |  |
| 32 | Một số kỳ quan địa chất tiêu biểu ở vùng biển và ven bờ Việt Nam. Tuyển tập báo cáo khoa học HNKH Địa chất biển toàn quốc lần 1. Hạ Long 9 – 10/10/2008: tr. 414 – 421.   | TĐ Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, Đinh Văn Huy                            |  |   |  | x | 3   |  |
| 33 | Những vấn đề ưu tiên đối với quản lý tổng hợp dải ven bờ Tây Vịnh Bắc Bộ. TC.Khoa học & Công nghệ biển. 4(T.9): 127 – 146. 2009.  | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 8   |  |
| 34 | Tiềm năng sử dụng các khu neo trú tránh bão, gió mạnh cho tàu thuyền trên vùng biển và ven bờ Việt Nam. TC. Các khoa học về Trái đất. Số 2 (T.31). Tr. 158 – 167. 2009.   | TĐ Thạnh   |  |   |  | x | 4   |  |

|    |   |   |  |   |   |   |     |  |
|----|---|---|--|---|---|---|-----|--|
| 35 | Một số kết quả nghiên cứu địa hình và trầm tích quần đảo Trường Sa. TC.Khoa học và Công nghệ biển. T.9. Phụ trương 1. Tr.77 - 92. 2009.   | Bùi Văn Vượng, TĐ Thạnh, Đặng Hoài Nhơn                               |  |   |   | x |     |  |
| 36 | Landscapes and Ecosystems of Tropical Limestone: Case Study of the Cat Ba Islands, Vietnam. Journal of Ecology and field biology, 2010: 33 (1); pp. 23-36. Scopus. 2010.  | Quan N.V., <b>Thanh TD</b> , Huy DV.                                  |  |   |   |   | 16  |  |
| 37 | Population Dynamics of Crenarchaeota and Euryarchaeota in the Mixing Front of River and Marine Waters. Microbes and Environments 25 (2), 126-132, 2010.   | DM Hao, T Tashiro, M Kato, R Sohrin, ... <b>TD Thanh</b> , K.Kato.    |  | X | X |   | 12  |  |
| 38 | Một số vấn đề cơ bản về quản lý tổng hợp vùng bờ biển ở Việt Nam. TC.Khoa học và Công nghệ biển. T.10. No.1. Tr. 81 – 96. 2010.   | TĐ Thạnh  |  |   |   | x | 1   |  |
| 39 | Coastal development of the Modern Red River Delta. Bulletin of the Geological Survey of Japan 51, 276   | TD Thanh, DV Huy  |  | x |   |   | 14  |  |
| 40 | Kỳ quan địa chất Vịnh Hạ Long. TC. Các Khoa học về trái đất. số 34 (2). Tr.162 – 172. 2012.   | TĐ Thạnh  |  |   |   | x | 6   |  |
| 41 | Ứng dụng mô hình toán nghiên cứu vùng nước đục nhất ở vùng cửa sông Bạch Đằng. TC.Khoa học và công nghệ biển 12(3):1-11. 2012.  | Vũ Duy Vĩnh, <b>TĐ Thạnh</b> .  |  |   |   | x | 14  |  |
| 42 | Tài nguyên địa – kinh tế và địa – chính trị đảo Bạch Long Vĩ. TC.Khoa học và Công nghệ Biển; Tập 13, Số 3; 2013: 207-215 ISSN: 1859-3097. 2013.   | TĐ Thạnh, Lê Đức An.  |  |   |   | x | 4   |  |
| 43 | Monitoring coastline change in the Red River Delta using remotely sensed data. Vietnam Journal of Marine Science and Technology 13 (2), 151-160. 2013.  | NV Thao, <b>TD Thanh</b> , Y Saito, C Gouramanis.                     |  |   |   | x | 17  |  |
| 44 | Ảnh hưởng của đập Hòa Bình đến phân bố trầm tích lơ lửng vùng ven bờ châu thổ sông Hồng. Kỷ yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ biển lần thứ V 3   | VD Vĩnh, NĐ Cự, TĐ Thạnh  |  |   |   | x | 12  |  |
| 45 | Geoheritage values in the Cat Ba islands, Vietnam. Environmental Earth Sciences, 2013. Spe. Iss. Vol.70, No.2. p 543 - 548. 2013.   | Phuong T.H, N.H.Cu, <b>T.D. Thanh</b> , B.V. Dong.                    |  | X |   |   | 13  |  |
| 46 | Impact of the Hoa Binh Dam (Vietnam) on water and sediment budgets in the Red River basin and delta. Hydrology and Earth System Sciences: 18 (10), pp. 3987– 4005. 2014.  | Vinh V.D., S. Ouillon, <b>T.D. Thanh</b> , L.V. Chu.                  |  | X |   |   | 132 |  |
| 47 | Characteristics of current variation in the coastal area of red river delta-results of reserach using the 3D numerical model. Vietnam Journal of Marine Science and Technology 14 (2), 139-148. 2014.             | VD Vinh, <b>TD Thanh</b> .  |  |   |   | x | 12  |  |
| 48 | Bàn về phân vùng đới bờ biển Việt Nam. TC. Khoa học và Công nghệ biển. 15(1):1-12. 2015.  | TĐ Thạnh  |  |   |   | x | 11  |  |
| 49 | Những chứng cứ phi khoa học của Trung Quốc về chủ quyền đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa từ thời cổ đại: Tiếp cận từ cơ sở địa chất và địa mạo. TC. Nghiên cứu Quốc tế. Số 2 (105), 6-2016. Tr.70 – 97. | TĐ Thạnh, Phạm Huy Tiến   |  |   |   | x |     |  |
| 50 | Morphological Change in the Northern Red River Delta, Vietnam. J. Ocean Univ. China (Oceanic and Coastal Sea Research). 2018 17 (6): 1272-1280.   | BV Van, Fan Daidu, ND Ve, TD Lan, <b>TD Thanh</b> , HV Long, NTH Hanh |  | X |   |   | 10  |  |

|    |  |  |  |   |  |  |   |    |  |
|----|--|--|--|---|--|--|---|----|--|
| 51 | Late Pleistocene-Holocene sequence stratigraphy of the subaqueous Red River delta and the adjacent shelf. Vietnam Journal of Earth Sciences 40 (3), 271-287. 2018.   | NT Thanh, PJ Liu, MD Dong, DH Nhon, DH Cuong, BV Dung, ... <b>TD Thanh...</b> ,              |  |   |  |  |   | 18 |  |
| 52 | Evaluation of Geological Heritage of Geosites for a Potential Geopark in Binh Thuan–Ninh Thuan Coastal Zone, Vietnam. Geoheritage volume 11, p. 689–702. 2019.   | Duong N-T, Phuong HT, Huong NV, ... DTT, Anh NTK, <b>TD Thanh...</b>                         |  | X |  |  |   | 7  |  |
| 53 | Sedimentation Rates and Heavy Metal Concentrations in the Tidal Flats of North Vietnam. Polish Journal of Environmental Studies 28(5):1-13. SCI. 2019.   | DH Nhon, <b>TD Thanh</b> , Huy DV, Ha NM, PS Hai, Lan TD, Xiaoyong Duan, ND Ve.              |  | X |  |  |   | 17 |  |
| 54 | Integrated coastal zone management in Vietnam - status and emerging problems. Vietnam Journal of Marine Science and Technology; Vol. 20, No. 4; 2020.  | Nguyen Van Cong, <b>TD Thanh</b> , Dang Hoai Nhon.   |  |   |  |  | x | 2  |  |
| 55 | Các bước trong một chu kỳ quy hoạch không gian biển ở Việt Nam. TC.Khoa học và Công nghệ biển. 20(4B): 360-374. 2020.  | TĐ Thạnh, ĐH Nhon, NV Thảo, NĐ Ngải, DT Nghi, CTT Trang, VD Vĩnh.                            |  |   |  |  | x | 2  |  |
| 56 | An assessment of heavy metal contamination in the surface sediments of Ha Long Bay, Vietnam. Environmental Earth Sciences 79, 1-13   | N Dang Hoai, H Nguyen Manh, T Tran Duc, T Do Cong, L Tran Dinh, ...                          |  | X |  |  |   | 9  |  |
| 57 | Bước đầu áp dụng chỉ số chất lượng nước (WQI) để đánh giá chất lượng nước biển vịnh Bắc Bộ năm 2018. TC. Khoa học và Công nghệ Biển, Tập 20, Số 4B: 171–181. 2020.   | Lê Van Nam, <b>TD Thạnh</b> , NV Thảo, ĐH Nhon, LX Sinh, CTT Trang, DT Nghi, PT Kha, NTT Hà. |  |   |  |  | x | 4  |  |
| 58 | Các hệ sinh thái biển ven bờ Việt Nam và mối quan hệ với các yếu tố, quá trình địa chất. Kỷ yếu HNKH Quốc gia: Địa chất, địa chất môi trường, địa kỹ thuật, quản lý TNMT với đổi mới sáng tạo và PTBV. Hà Nội ngày 06/11/2021. Nxb. ĐHQG Hà Nội. Tr.15-26. | TĐ Thạnh, Đặng Hoài Nhon, Bùi Văn Vượng.   |  |   |  |  | x |    |  |
| 59 | Hệ thống phân cấp quy hoạch không gian biển ở Việt Nam. HNKH Địa lý toàn quốc lần thứ XII. “Khoa học địa lý Việt Nam với phát triển kinh tế xanh và đảm bảo an ninh lãnh thổ”. ngày 11-12/8/2021 tại Tp.HCM. Nxb. Thanh niên. Tr. 40-48.                   | TĐ Thạnh, Đặng Hoài Nhon, Nguyễn Văn Thảo.   |  |   |  |  | x |    |  |
| 60 | “Nghiên cứu xây dựng phương án quy hoạch không gian biển Vịnh Bắc Bộ”. Hội thảo tổng kết chương trình KHCV phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển giai đoạn 2016-2020. Hà Nội 11/2021. Tr. 201-214.                                      | TĐ Thạnh, ĐH Nhon, NV Thảo, CTT Trang, VD Vĩnh, DT Nghi, NĐ Ngải, NTK Anh.                   |  |   |  |  | x |    |  |
| 61 | Orientation of marine spatial planning in Vietnam. Vietnam Journal of Marine Science   | TD Thanh, DH Nhon, NV Thao, CTT Trang, VD  |  |   |  |  | x | 1  |  |

|    |   |  |  |   |  |  |   |    |
|----|---|--|--|---|--|--|---|----|
|    | and Technology; Vol. 21, No. 4; 2021: 375–392. 2021.  | Vinh, DT Nghi, ND Ngai, 2021.  |  |   |  |  |   |    |
| 62 | An assessment of heavy metal contamination in the surface sediments of Ha Long Bay, Vietnam. Environmental Earth Sciences 79(18). Springer. 2020. IF=3.1  | Nhon DH, <b>TD Thanh</b> , Ha NM, DC Thung, Lan TD, Ron William Johnstone.                     |  | X |  |  |   | 9  |
| 63 | Enrichment and distribution of metals in surface sediments of the Thanh Hoa coastal area, Viet Nam. December 2020. Regional Studies in Marine Science 41(1):12, 2020. IF=2.1  | DH Nhon, NV Thao, Lan TD, Hao DM, Ha NM, Dương TN, <b>TD Thanh</b> , Ha TM.                    |  | X |  |  |   | 6  |
| 64 | Assessment of the environmental carrying capacity of pollutants in Tam Giang-Cau Hai lagoon (Viet Nam) and solutions for the environment protection of the lagoon. Science of The Total Environment. Elsevier, <u>Volume 762</u> , 25 March 2021. IF= 9.8   | CTT Trang, T Thanh, <b>TD Thanh</b> , VD Vinh, TA Tu.  |  | X |  |  |   | 11 |
| 65 | Mineralogical features of sediments in the Gulf of Tonkin, Vietnam. In: Geologic-geophysical and oceanographic research of the western south china sea and adjacent continent (on results of the RV «Akademik M.A. Lavrentyev» cruise 88 and coastal surveys 2010–2020). Moscow: GEOS, 2021. ISBN 978-5-89118-841-9. pp.141- 152. | Dang Hoai Nhon, Nguyen Van Thao, <b>TD Thanh</b> ,...R.B. Shakirov.                            |  |   |  |  | x |    |
| 66 | Enrichment and distribution of metals in surface sediments of the Thanh Hoa coastal area, Viet Nam. Regional Studies in Marine Science. 41 (1): 12. 2021. IF= 2.1   | DH Nhon, NV Thao, TD Lan, NM Ha, ... <b>TD Thanh</b> .   |  | X |  |  |   | 6  |
| 67 | Conflicts of interest in the coastal area of Tonkin Gulf (Vietnamese part). Vietnam Journal of Marine Science and Technology. 22(3) 319–333. 2022.  | Cao Thi, T. T., <b>Tran, D. T.</b> , Nguyen, V. B.   |  |   |  |  |   |    |
| 68 | Địa mạo phần tây Vịnh Bắc Bộ. Kỷ yếu hội nghị Quốc tế Biển Đông, Nha Trang, 13-14/9/2022. Tr.464-477, 2022.   | Nguyễn Thanh Sơn, <b>Trần Đức Thạnh</b> , Nguyễn Văn Thảo, Đặng Hoài Nhon, ... Nguyễn T.Thu Hà |  |   |  |  |   |    |
| 68 | Đặc điểm phát triển và vị thế của vùng cửa sông Bạch Đằng theo dòng lịch sử. Kỷ yếu hội nghị Địa lý Toàn quốc lần thứ XIII. Tập 1. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, Tr.2001-2012. 2022.   | Trần Đức Thạnh, Trần Tân Văn, Đỗ Thị Yến Ngọc, Đặng Hoài Nhon, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Thanh Sơn |  |   |  |  |   |    |
| 70 | Đóng góp mới vào bộ sưu tập mẫu vật thiên nhiên của Việt Nam. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Số 9 năm 2022, tr. 31-33. 2022.   | Đặng Hoài Nhon, <b>Trần Đức Thạnh</b> , Nguyễn Trung Minh                                      |  |   |  |  |   |    |

|    |  |   |  |   |  |  |   |   |  |
|----|--|---|--|---|--|--|---|---|--|
| 71 | Distribution and ecological risk of heavy metal (loid) s in surface sediments of the Hai Phong coastal area, North Vietnam. Chemistry and Ecology. 38(1): 27-47; IF=2.5  | Dang Hoai Nhon, Nghi Duong Thanh, .. Thanh Tran Duc                                       |  | X |  |  |   | 2 |  |
| 72 | The process of establishing marine spatial planning maps in Vietnam. Vietnam Journal of Marine Science and Technology. ISSN: 1859-3097, 23 (1), 2023.  | Tran Duc Thanh, Dang Hoai Nhon, Nguyen Van Thao,....., Nguyen Thi Kim Anh                 |  |   |  |  |   |   |  |
| 73 | Đánh giá khả năng mắc cạn của chiến thuyền quân Nguyên tại Ghềnh Cốc trong trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288. Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn, số 1(40) - Tháng 3/2023, tr. 3-13.  | Trần Đức Thạnh, Đặng Hoài Nhon, Trần Tân Văn, ... Trương Quang Hải, Bùi Văn Vượng         |  |   |  |  | X |   |  |
| 74 | Characteristic and distribution of grain sizes and minerals in sediments in a part of the Vietnamese Gulf of Tonkin. Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering, 2023, 65 (2): 95-105.   | Nhon, D.H., Thao, N.V., <b>Thanh, T.D.</b> , ..., Nghi, D.T., 2023.                       |  |   |  |  | X |   |  |
| 75 | Đường tiến vào và rút chạy của thủy quân Nguyên trong cuộc xâm lược Đại Việt năm 1287-1288. Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển, số 2 (190), 2024, tr. 5-21.  | Trần Đức Thạnh, Đặng Hoài Nhon, Bùi Văn Vượng, Nguyễn Thanh Sơn                           |  |   |  |  | X |   |  |
| 76 | Radioactivity concentration and risk indices in intertidal sediments of the Red River Delta, Vietnam. Environmental Earth Sciences, 2024, 83(2). IF= 3.1.<br><a href="https://link.springer.com/article/10.1007/s12665-023-11394-0">https://link.springer.com/article/10.1007/s12665-023-11394-0</a> | Bui Van Vuong, Phan Son Hai, Nguyen Van Chien, <b>Tran Duc Thanh</b> ,....Nhon Dang Hoai. |  | X |  |  |   |   |  |
| 77 | Assessment of Radioactive Concentrations and Natural Radionuclide Risks in the Sediments of Ha Long Bay and the Ba Che Estuary. Regional Studies in Marine Science. 2024. Online publication. iF= 2.1<br>DOI: 10.2139/ssrn.4677854   | Nhon Hoai Dang, Hai Son Phan, <b>Thanh Duc Tran</b> ,.... Nam Van Le.                     |  | X |  |  |   |   |  |

### 3.1.2.Sách chuyên khảo

1. Nguyễn Văn Bằng, Phạm Bá Chi, ....**Trần Đức Thạnh**, ...Nguyễn Hữu Trí, 1990. Địa Chí Hải Phòng. Tập 1. Nxb. Hải Phòng. 248 trang. Xí nghiệp in Hải Phòng, Giấy phép xuất bản: 27-ĐK/XB ngày 15/4/1990. Sở VHTT Hải Phòng.
2. Trần Đức Thạnh, 1998. Lịch sử địa chất Vịnh Hạ Long. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1998. 94 tr. DOI: [10.13140/RG.2.1.2013.9769](https://doi.org/10.13140/RG.2.1.2013.9769); Citation: 18.
3. Harris P.G.(ed.), Jonathan Harrington ...(plus 12)..., Peter Stoett and **Tran Duc Thanh**, 2004. Confronting environmental change in East & South Asia. Eco-politics, foreign policy, and sustainable development. United Nations University Press and Erthscan Publications Ltd. London-Stirling, VA. 269p. ISBN 1-85383-972-8. Citation: 27.

4. Nguyễn Thanh (Chủ biên), Lê Văn Thăng,...**Trần Đức Thạnh**, Hoàng Đức Triêm, Nguyễn Việt, 2005. Địa chí Thừa Thiên Huế. Phần Tự nhiên. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội. 307 trang. Citation: 6.
5. Đỗ Nam, Nguyễn Việt, Trương Đình Hùng, Hoàng Tấn Liên, Nguyễn Văn Hùng, Phùng Đức Vinh, Hà Học Khanh, **Trần Đức Thạnh**, Phan Văn Hoà, Nguyễn Doanh Anh, Lê Quang Vinh, 2004. Đặc điểm khí hậu – thủy văn Thừa Thiên Huế. Nhà XB Thuận Hoá, Huế. Tr. 1- 156. Citation: 5.
6. Trần Đức Thạnh, Nguyễn Hữu Cử, Đỗ Công Thung, Đặng Ngọc Thanh, 2008.. Vũng vịnh ven bờ biển Việt Nam và tiềm năng sử dụng. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 295 tr. DOI: [10.13140/RG.2.1.4635.4168](https://doi.org/10.13140/RG.2.1.4635.4168); Citation: 17.
7. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Trần Đình Lân, Nguyễn Hữu Cử và Đinh Văn Huy, 2010. Tiến hoá và động lực hệ đầm phá Tam Giang-Cầu Hai. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 225 tr.. DOI: [10.13140/RG.2.1.2538.2647](https://doi.org/10.13140/RG.2.1.2538.2647); Citaion: 20.
8. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Nguyễn Hữu Cử, Đỗ Công Thung, Trần Đình Lân, Đinh Văn Huy, Phạm Hoàng Hải, 2011. Định hướng quản lý tổng hợp vùng bờ biển Bắc Bộ. Nxb. Khoa học Tự nhiên & Công nghệ, Hà Nội, 250 tr. DOI: [10.13140/RG.2.1.4373.2729](https://doi.org/10.13140/RG.2.1.4373.2729). Citation: 10.
9. Phùng văn Phách (chủ biên), Nguyễn Trọng Tín, **Trần Đức Thạnh**, ...Nguyễn Quang Minh. **2011**. Kiến tạo - Địa động lực và tiềm năng dầu khí của bể trầm tích sông Hồng - Vịnh Bắc Bộ. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. 212 trang.
10. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Lê Đức An, Nguyễn Hữu Cử, Trần Đình Lân, Tạ Hoà Phương, Nguyễn Văn Quân, 2012. Biển đảo Việt Nam - Tài nguyên vị thế và những kỳ quan địa chất, sinh thái tiêu biểu. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 324 tr. ISBN: 978-604-913-063-2. Citation: 31.
11. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Trần Văn Minh, Cao Thị Thu Trang, Vũ Duy Vĩnh, Trần Anh Tú, 2012. Sức tải môi trường vịnh Hạ Long – Bái Tử Long. Nxb. Khoa học Tự nhiên & Công nghệ, Hà Nội. 297 trang. ISBN: 978-604-913-063-2. Citation: 16.
12. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Trần Đình Lân, Nguyễn Thị Minh Huyền, Đinh Văn Huy, Nguyễn Văn Quân, Cao Thị Thu Trang, Trần Anh Tú, 2013. Thiên nhiên và môi trường vùng biển đảo Bạch Long Vĩ. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. 275 trang. ISBN:978-604-913-110-3. Citation: 12.
13. Trần Đức Thạnh (chủ biên), Bùi Quang Sản, Nguyễn Văn Cán, Trần Đình Lân, Nguyễn Văn Quân, Lưu Văn Diệu, Nguyễn Thị Thu, Trần Anh Tú, Nguyễn Thị Kim Anh, 2015. Thiên nhiên và môi trường vùng bờ Hải Phòng. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội. 310 tr. ISBN: 978-604-913-369-1. Citation: 11.
14. Đoàn Trường Sơn, Trần Đức Thạnh và nnk, 2015. *Địa chí Thủy Nguyên*. Nxb. Hải Phòng. 1128 trang. ISBN: 978-604-83-0901-5.
15. Lưu Văn Diệu, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh, Vũ Thị Lựu, **Trần Đức Thạnh**, 2016. Sức tải môi trường các thủy vực tiêu biểu ven bờ Việt Nam. Nxb. Khoa học và Công nghệ, Hà Nội. 355tr. ISBN: 978- 604-913-507-1.
16. Nguyễn Văn Quân, Nguyễn Thị Thu, Chu Thế Cường, Nguyễn Đức Thế, Đàm Đức Tiên, **Trần Đức Thạnh**, Vũ Duy Vĩnh, Đặng Hoài Nhơn, Nguyễn Đắc Vệ, Đinh Văn

Nhân, 2016. Mức độ suy thoái và giải pháp phục hồi một số hệ sinh thái đầm phá ven biển Miền Trung. Nxb. Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. Hà Nội. 380 tr. ISBN: 978-604-913-505-4. Citation: 5.

17. Dương Thanh Nghị, Đỗ Quang Huy, **Trần Đức Thạnh**, 2018. Một số chất ô nhiễm hữu cơ bền trong môi trường biển ven bờ phía Bắc Việt Nam. Nxb. Khoa học và Công nghệ, Hà Nội. 260 tr. ISBN: 978-604-913-647-4.
18. Đặng Hoài Nhơn, Dương Thanh Nghị, **Trần Đức Thạnh**, 2020. Đới gian triều miền Bắc Việt Nam: Những đặc trưng cơ bản và tiềm năng phát triển. Nxb. KHTN&CN. Hà Nội. ISBN: 978-604-9985-53-9. 258 tr.

### 3.1.3. Giải pháp hữu ích

Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Quyết định số 68559/QĐ-SHTT ngày 01/10/2018 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ cho “Quy trình xác định sức tải của thủy vực ven biển”. Tác giả: Lưu Văn Diệu, **Trần Đức Thạnh**, Cao Thị Thu Trang, Lê Xuân Sinh.

### 3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

1. Giải thưởng Môi trường Việt Nam. Quyết định số 832/QĐ-BTNMT, ngày 31/5/2013, của Bộ trưởng Bộ TNMT
2. Kỷ niệm chương vì sự nghiệp UNESCO Việt Nam. Quyết định số 10/QĐ-UBQG UNESCO VN ngày 07/ 01/2013 của Chủ tịch UNESCO Việt Nam.
3. Giải thưởng khoa học Nguyễn Bình Khiêm lần thứ hai, Giải B, năm 1996 : chủ nhiệm công trình: “Khảo sát môi trường địa chất ven biển Hải Phòng”. Quyết định số 2041, ngày 16/8/1996 của chủ tịch UBND Tp.Hải Phòng.
4. Giải thưởng Cố đô Huế về KH&CN lần thứ nhất năm 2006. Giải A cho cụm công trình: “Điều tra, nghiên cứu hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai”. Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 26/12/2006 của chủ tịch UBND Thừa Thiên Huế.
5. Giải thưởng KH&CN thành phố Hải Phòng lần II, năm 2009, Giải nhì, Công trình: “Xây dựng khu Dự trữ Sinh quyển Quần đảo Cát Bà”. Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 25/2/2010 của chủ tịch UBND Tp. Hải Phòng.
6. Giải thưởng Cố Đô Huế của tỉnh Thừa Thiên Huế, lần II. Giải B công trình: “Địa chí Thừa Thiên Huế-Phần Tự nhiên”. Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế.
7. Giải thưởng Cố đô, Thừa Thiên Huế, lần 3. Công trình: “Nghiên cứu sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển Thừa Thiên - Huế”. Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 06/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế.
8. Giải thưởng KH&CN thành phố Hải Phòng năm 2021. Công trình: “Địa chí Thủy Nguyên”. Quyết định số 3855/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của chủ tịch UBND Tp. Hải Phòng.

### 3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

Hồ sơ Google scholar: H-index = 16; i10-index = 38; tổng lượt trích dẫn: 1332.

<https://scholar.google.com/citations?user=a9CncKAAAAAJ&hl=en>

### **3.4. Ngoại ngữ**

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Anh và Nga
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Tốt.

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

*Hải phòng, ngày 26 tháng 4 năm 2024*

**NGƯỜI KHAI**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



**Trần Đức Thạnh**